

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2025/HS-ST

Ngày: 29 - 5 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hoàng Thu

2/ Bà Nguyễn Thị Hương Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2025/TLST - HS ngày 09/04/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST - HS ngày 05/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Trung D; giới tính: Nam; sinh năm 1987; nơi sinh: Tại Thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú: 14A/243A đường Xuân K, phường Xuân K, thị xã Sơn T, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: B18.01 Chung cư Cao Tầng và Dịch vụ Thương mại B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; họ tên cha: Đỗ Văn D; họ tên mẹ: Trần Thị T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Phương T và có 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Tuấn K; giới tính: Nam; sinh năm 2001; nơi sinh: Tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp Thạnh H, xã Thạnh T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; họ tên cha: Nguyễn Thanh P; họ tên mẹ: Lê Thị T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2024 (có mặt).

Bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: E2/2A ấp 11, xã Lê Minh X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: E2/2A ấp 11, xã Lê Minh X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Vương Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C3/9 ấp 7, xã Lê Minh X, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Trà Thị Tuyết H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C1/9 ấp 8, xã Lê Minh X, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: F3/14 ấp 18, xã Lê Minh X, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Vi Thanh N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: D5/48C ấp 10, xã Lê Minh X, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: B12/13A, ấp 6, xã Lê Minh X, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Bà Nguyễn Bùi Mai A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 527/7/14 Phan Văn T, Phường 5, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà Đỗ Thùy N, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: A16 liền kề 17, Khu nhà Phú T, phường Phú T, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

9/ Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Phòng B18.01 Chung cư F, phường Bình T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Ông Nguyễn Quốc T - không rõ năm sinh (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 13, xã Khánh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Đỗ Trung D quen biết một người bạn tên V (không rõ lai lịch) cho vay tiền lấy lãi. Quá trình cho người khác vay tiền, V sử dụng 02 số điện thoại 0934.028.862 và 0909.238.962. Đến giữa năm 2023, V về quê tại Hà Nội và đưa lại 02 số điện thoại trên cho D tiếp tục sử dụng. Khi sử dụng 02 số điện thoại trên thì có nhiều người gọi đến để vay tiền nên D đã sử dụng số tiền từ 135.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng để cho vay và thu lãi.

Khi bắt đầu cho người khác vay tiền thu tiền lãi, D sử dụng số điện thoại 0934.028.862 và đưa cho Nguyễn Tuấn K (em vợ D) sử dụng số điện thoại 0909.238.962 để liên lạc với những người có nhu cầu vay tiền. Nếu ai có nhu cầu vay tiền thì gọi điện trực tiếp cho D hoặc gọi cho K để sau đó K thông báo lại cho D biết. K phụ giúp D đi thu tiền lãi mang về đưa cho D, được D cho ăn ở, lo chi phí sinh hoạt hàng ngày. D và K đã thống nhất cho nhiều người vay tiền theo hình thức trả góp theo ngày hoặc vay tiền đứng để thu tiền lãi cụ thể:

Đối với hình thức cho vay trả góp theo ngày: Mỗi ngày người vay tiền phải trả tiền góp cho D, K với số tiền tương đương với 5%/ngày (4,1665% tiền gốc và 0,8335% tiền lãi), lãi suất 304%/năm trên tổng số tiền vay, góp trong vòng 24 ngày thì trả hết tiền gốc và lãi.

Đối với hình thức vay tiền đứng: Người vay tiền chỉ cần trả tiền lãi tương đương 01%/ngày (365%/năm) trên tổng số tiền vay, trả theo kỳ 10 ngày/lần, cho đến khi trả hết số tiền gốc.

Số tiền lãi được D kêu K đi thu trực tiếp hoặc được người vay chuyển khoản cho K vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 070121570112 của K. Sau khi thu tiền của người vay, K sẽ đưa lại cho D trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng MBbank số 8300127740006 của Dũng.

Với cách thức và thủ đoạn nêu trên, K và D đã cho đã cho nhiều người vay tiền để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Đối với bà Lê Thị T : Ngày 03/3/2024 tại nhà bà Tý, D và K cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, lãi suất 365%/năm. Bà T đã trả tiền lãi được 04 kỳ (10 ngày/kỳ) với tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 1.095.890 đồng, thu lợi bất chính 18.904.110 đồng. Tiếp đó, đến ngày 14/4/2024 tại nhà bà Tý, D và K tiếp tục cho bà T vay thêm 50.000.000 đồng, cộng với 50.000.000 đồng còn đang nợ là 100.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, lãi suất 365%/năm. Bà T đã trả được cho D và K 12 kỳ (10 ngày/kỳ) với tổng số tiền lãi là 120.000.000 đồng và sau đó trả thêm 4.400.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 6.816.438 đồng, thu lợi bất chính 117.583.562 đồng.

Như vậy, tổng số tiền D và K cho bà T vay là 100.000.000 đồng, bà T đã trả 144.400.000 đồng bằng chuyển khoản, số tiền lãi suất theo quy định là 7.912.329 đồng, thu lợi bất chính 136.487.671 đồng.

2. Đối với bà Vương Thị L: Từ ngày 20/02/2024 đến ngày 23/09/2024 tại nhà bà Loan, D cho bà L vay 09 dây tiền, mỗi dây 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 500.000 đồng/ngày trong vòng 24 ngày, tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả 108.000.000 đồng. Bà L đã trả tổng số tiền là 108.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 1.183.562 đồng, thu lợi bất chính 16.816.438 đồng. Đến ngày 24/9/2024, bà L tiếp tục vay dây thứ 10 của D số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%, trả 500.000 đồng/ngày trong vòng 24 ngày, tổng số tiền phải trả 12.000.000 đồng. Bà L đã trả tổng số tiền 6.500.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 71.233 đồng, thu lợi bất chính 1.012.100 đồng. Ngày 01/5/2024, D cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng tiền, hình thức vay tiền đứng, lãi suất 365%/năm. Bà L đã trả được tổng số tiền 16.200.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 887.671 đồng, thu lợi bất chính 15.312.329 đồng. Ngày 11/5/2024, D tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền

10.000.000 đồng tiền đứng, lãi suất 365%/năm. Bà L đã đóng được tổng số tiền 15.200.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 832.877 đồng, thu lợi bất chính 14.367.123 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà D và K cho bà L vay là 120.000.000 đồng, bà L đã trả 145.900.000 đồng bằng chuyển khoản, số tiền lãi suất theo quy định là 2.975.342 đồng, thu lợi bất chính 47.507.991 đồng.

3. Đối với bà Trà Thị Tuyết H: Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 07/10/2024 tại nhà bà H, K cho bà H vay 14 dây tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày. Tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 84.000.000 đồng. Bà H đã trả 84.000.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền lãi suất theo quy định là 920.548 đồng, thu lợi bất chính 13.079.452 đồng.

4. Đối với bà Vi Thanh N: Từ ngày 12/01/2024 đến tháng 9/2024 tại nhà bà N, K cho bà N vay 11 dây tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tổng số tiền vay là 55.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 66.000.000 đồng. Bà N đã trả 66.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 723.288 đồng, thu lợi bất chính 10.276.712 đồng. Ngày 01/10/2024, K tiếp tục cho bà N vay dây tiền thứ 12 với số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Bà N đã trả 1.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 10.959 đồng, thu lợi bất chính 155.708 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà D và K cho bà N vay là 60.000.000 đồng, bà N đã trả 67.000.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền lãi suất theo quy định là 734.247 đồng, thu lợi bất chính 10.432.420 đồng.

5. Đối với bà Nguyễn Thị T: Từ ngày 29/7/2023 đến tháng 3/2024 tại nhà bà Tám, D cho bà T vay 10 dây tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 60.000.000 đồng. Bà T đã trả 60.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định 657.534 đồng, thu lợi bất chính 9.342.466 đồng. Ngày 26/3/2024, D tiếp tục cho bà T vay dây tiền thứ 11 với số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Bà T đã trả 3.500.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 38.356 đồng, thu lợi bất chính 544.977 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà D và K cho bà T vay là 55.000.000 đồng, bà T đã trả 63.500.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 695.890 đồng, thu lợi bất 9.887.443 đồng.

6. Đối với bà Phạm Thị C: Ngày 05/10/2024 tại nhà bà Cười, K cho bà C vay số tiền là 10.000.000 đồng bằng tiền mặt, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 500.000 đồng/01 ngày trong 24 ngày, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Bà C đã trả 3.000.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền lãi suất theo quy định 32.877 đồng, thu lợi bất 467.123 đồng.

7. Đối với bà Nguyễn Bùi Mai A: Vào tháng 3/2024 tại nhà bà Anh, K cho bà Mai A vay số tiền là 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, lãi suất 304%/năm, trả 500.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tổng số tiền phải trả là

12.000.000 đồng. Bà Mai A đã trả 12.000.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền lãi suất theo quy định 131.507 đồng, thu lợi bất 1.868.493 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà D và K cho bà Lê Thị T , Vương Thị L, Trà Thị Tuyết H, Vi Thanh N, Nguyễn Thị T, Phạm Thị C, Nguyễn Bùi Mai A vay là 425.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định là 13.402.740 đồng, thu lợi bất chính là 219.730.594 đồng.

Ngoài những người vay tiền trên, D và K khai nhận còn cho khoảng 10 người khác vay tiền nhưng không nhớ rõ nhân thân lai lịch, số điện thoại người vay. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng bài tìm người liên quan vay tiền của D và K nhưng đến nay chưa có ai đến Cơ quan Công an để làm việc.

Ngoài ra, do bà T chậm trả tiền nên ngày 24/9/2024, K dùng số điện thoại 0909.238.962 nhắn tin cho bà T với nội dung đe dọa bà Tý. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/9/2024, D điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai Santafe, biển số 30H-073.46 chở K đến nhà bà Tý, D đe dọa: "Nếu không trả tiền tôi thì coi chừng người nhà bà ra đường bị xe tông". Sau đó, D điều khiển xe chở K bỏ đi. Do sợ hãi, từ ngày 28/9/2024 đến ngày 06/10/2024, bà T tiếp tục đóng tiền lãi cho D và K bằng hình thức chuyển khoản 05 lần từ tài khoản ngân hàng Agribank số 64402057880844 của bà T đến tài khoản ngân hàng Sacombank số 070121570112 của K với tổng số tiền 4.400.000 đồng.

Do bà T không tiếp tục trả tiền lãi nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/10/2024, D và K lấy sơn, mắc tôm và dầu hắc (nguồn gốc do V qua chơi và để lại từ trước) đem ra trộn lại rồi cho vào 06 túi nylon (03 túi nylon chứa chất bẩn màu đen và 03 túi nylon chứa chất bẩn màu đỏ). Sau khi chuẩn bị xong, D và K bỏ 06 túi nylon chứa chất bẩn nêu trên vào túi nylon màu đen rồi đem xuống treo ở móc khóa đằng trước xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 63AE-059.28. Sau đó, D điều khiển xe trên chở K đến nhà bà Tý. Đến khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 63AE-059.28 chở K đi qua nhà bà Tý, cả hai ném 06 túi nylon chứa chất bẩn vào nhà bà T rồi bỏ về. Do bị ném chất bẩn vào nhà và trước đây bị Dũng, K đe dọa để đòi nợ nên khoảng 16 giờ ngày 08/10/2024, bà T đến Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3614/LK-HĐĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: Giá trị tài sản bị hư hỏng do bị ném chất bẩn vào nhà bà Lê Thị T , địa chỉ: E2/2A, ấp 11, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh ngày 08/10/2024 chi phí khắc phục theo thực tế 1.800.000 đồng.

Qua truy xét, Công an xã mời Đỗ Trung D và Trần Tuấn K về trụ sở làm việc, D và K thừa nhận hành vi cho bà T vay tiền và đe dọa, ném dung dịch chất bẩn vào nhà bà T như đã nêu trên.

Ngày 12/11/2024, Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh có Công văn cung cấp thông tin về sự việc “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đòi nợ bằng cách ném sơn chất bẩn nêu trên đã gây mất an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân tại khu vực cũng như dư luận của nhân dân trong khu vực.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Trung D và Nguyễn Tuấn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

01 USB nhãn hiệu Toshiba, dung lượng 04GB chứa 01 video ghi nhận nội dung sự việc ném sơn; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai SANTAFE, biển số: 30H-073.46, số khung: RLUSW81KDMN023621, số máy: G4KMMA895293 mà D điều khiển xe trên chỗ K đến nhà bà T để đòi nợ ngày 27/9/2024; 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số: 63AE-059.28, số khung: RLHKF4255RY165015, số máy: KF57E0318007 mà D chở K đi ném chất bẩn vào nhà bà T ngày 08/10/2024 và 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số: 63B5-098.83, số khung: RLHJF2705BY548682, số máy: JF27E1519584; 01 bì sô mi tài liệu màu trắng có chứa: 01 Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số: 41W8044741 tên hộ kinh doanh Lư Văn Nam, 01 Giấy chứng nhận đăng ký thuế tên Lư Văn Nam và 01 giấy mua bán xe giữa Lâm Phước D và Lư Văn Nam thu giữ của Nguyễn Thanh H; 01 bì sô mi màu xanh bên trong có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 tên vợ Nguyễn Bùi Mai A, tên chồng Nguyễn Nhạc Phi; 01 Giấy khai sinh (bản sao) số 120 tên Nguyễn Đức Minh Quân thu giữ của Nguyễn Thanh H; 01 căn cước công dân số 080149003357 tên Trần Thị Kỳ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, biển số: 69H1-271.41, số khung: RLCUE3240JY208765, số máy: E3X9F561565 mà D và K sử dụng để đi cho vay tiền; 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Lê Thị T, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong là 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đỏ; 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, số máy: MQ9X3VNIA và 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, số máy: MWH22LL/A mà D sử dụng để liên lạc phục vụ hoạt động cho vay; 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, số IMEI: 356985722457464 và 01 điện thoại di động Nokia 105 mà K sử dụng để liên lạc phục vụ hoạt động cho vay; 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thanh H, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong có 02 túi nilon màu đen chứa các visit với nội dung: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, CHO VAY TRẢ GÓP, GIẢI NGÂN TRONG NGÀY, KHÔNG CẦN THẺ CHẤP, ĐT: 0909.238.962 thu giữ của Nguyễn Thanh H; 02 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 800 mililit (trong đó 01 hộp đã qua sử dụng); 01 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 70 mililit đã qua sử dụng; 01 thau nhựa đường kính 20 centimet; 01 ly nhựa đường kính 06 centimet; 01 đũa gỗ dài 24 centimet; 25 túi nilon kích thước 23x13 centimet; 01 áo khoác màu đen dài tay có dòng chữ RICCO; 01 quần dài jean màu đen có dòng chữ BALENCIAGA; 01 đôi dép màu đen có dòng chữ LEONARDO; 01 nón bảo hiểm màu đen có dòng chữ NON SƠN; 01 áo khoác dài tay màu đen không nhãn hiệu; 01 áo phông ngắn tay màu đen có dòng chữ CREATIVE; 01 quần jean dài màu xanh có dòng chữ DSQUARED; 01 đôi dép màu nâu nhạt, thu giữ của Nguyễn Tuấn K. Số tiền 40.700.000 đồng do Đỗ Trung D giao nộp và số tiền 22.600.000 đồng do Nguyễn Tuấn K giao nộp.

Trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 135.000.000 đồng mà D và K đã thu lợi bất chính từ việc cho vay. Đối với thiệt hại 1.800.000 đồng do D và K ném chất bẩn vào nhà ngày 08/10/2024, bà T đã được gia đình D và K bồi thường số tiền 2.500.000 đồng nên bà T có đơn xin bãi nại và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và K. (Bút lục số 422-424)

Bà Vương Thị L yêu cầu bồi thường số tiền 46.000.000 đồng mà D và K đã thu lợi bất chính. Bà Trà Thị Tuyết H yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000 đồng mà D và K đã thu lợi bất chính. Bà Vi Thanh N yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng mà D và K đã thu lợi bất chính. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 9.500.000 đồng mà D và K đã thu lợi bất chính. Bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Bùi Mai A yêu cầu bị cáo trả lại cho các bà số tiền bị cáo chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 142/CT – VKS - HS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo Đỗ Trung D, Nguyễn Tuấn K về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bà T đề nghị bị cáo trả lại cho bà số tiền 135.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bà C đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án còn lại vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại Cơ quan điều tra những người này yêu cầu bị cáo D trả lại số tiền thu nhập bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo và xử lý trách nhiệm dân sự và vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản

ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đỗ Trung D, Nguyễn Tuấn K tại tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 489 – 504, 510 – 516, 536 – 549 - 557); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị T , bà Vương Thị L, bà Trà Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị T, Vi Thanh N, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Bùi Mai A (BL: 237 – 243, 250 – 254, 295 – 302, 314 – 321, 333 – 341, 347 – 356, 375 – 389, 395 – 400); phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình điều tra, qua thẩm tra, xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Từ năm 2023 đến ngày 09/10/2024, các bị cáo Đỗ Trung D và Nguyễn Tuấn K đã cho nhiều người vay tiền trên địa bàn huyện Bình Chánh (làm rõ xác định được 07 người) với lãi suất từ 304%/năm đến 365%/năm, lãi suất mà các bị cáo cho vay vượt gấp 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự cho phép là 20% với tổng số tiền cho vay là 425.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật là 13.402.740 đồng, thu lợi bất chính 219.730.594 đồng như nội dung Cáo trạng truy tố.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đỗ Trung D, Nguyễn Tuấn K đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Ngoài ra, trong thời gian các bị cáo Dững, K cho bà Lê Thị T vay tiền, do bà T không thanh toán tiền lãi cho các bị cáo nên các bị cáo đã có hành vi nhắn tin, dùng lời nói đe dọa uy hiếp tinh thần; dùng dung dịch chất bẩn (hỗn hợp sơn, mắm tôm và dầu hắc) ném vào nhà bà T để đe dọa, gây áp lực buộc bà T tiếp tục trả nợ. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm được quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng nhiều lúc phải bán tài sản để trả nợ gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì vụ lợi mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Tình tiết định khung:

Đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”: Số tiền thu nhập bất chính của các bị cáo trên 100.000.000 đồng (219.730.594 đồng) đây là thuộc trường

hợp định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo.

Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Căn cứ vào Công văn số 3666/UBND ngày 12/11/2024, Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh có Công văn cung cấp thông tin về sự việc “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đòi nợ bằng cách ném sơn chất bẩn nêu trên đã gây mất an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân tại khu vực cũng như dư luận của nhân dân trong khu vực là gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đây là tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo.

[7] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo D là người chủ mưu, khởi xướng, tiền dùng để cho vay là tiền của bị cáo D; bị cáo K là đồng phạm giúp sức tích cực phụ giúp bị cáo D đi đưa tiền cho người vay theo sự đạo của bị cáo D, đi lấy tiền lãi và được D trả công bằng lo cho chỗ ở, chi phí sinh hoạt hằng ngày. Do đó, khi lượng hình mức án của bị cáo D sẽ nghiêm khắc hơn bị cáo K là phù hợp với vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[8] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đã bồi thường cho bị hại đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” được bị hại là bà T làm đơn bãi nại cho các bị cáo; bị cáo K có bác là liệt sỹ và trong thời gian sinh sống tại địa phương tham gia đóng góp tích cực các hoạt động phong trào; bị cáo D được chính quyền địa phương tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong việc Phòng chống tội phạm (có Đơn xác nhận); tại phiên tòa các bị cáo đề nghị được khắc phục trả lại toàn bộ số tiền thu nhập bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Đối với hành vi các bị cáo ném dung dịch chất bẩn vào nhà bà T gây thiệt hại về tài sản 1.800.000 đồng nên chưa đủ định lượng để xử lý về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[10] Đối với người tên V cho D, K 02 số điện thoại 0934.028.862 và 0909.238.962 và dung dịch chất bẩn (sơn, dầu hắc, mắm tôm), quá trình điều tra chưa làm rõ được họ tên, nhân thân, lai lịch nên xử lý sau, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[11] Đối với ông Nguyễn Thanh H: Qua điều tra xác định ông Hiếu được bị cáo D nhờ lấy giúp tài liệu nhưng bị cáo D không nói cho ông Hiếu biết tài liệu gồm những gì; ông Hiếu không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng các bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[12] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai SANTAFE, biển số: 30H-073.46, số khung: RLUSW81KDMN023621, số máy: G4KMMA895293 mà bị cáo D điều khiển xe trên chõ bị cáo K đến nhà bà T để đòi nợ ngày 27/9/2024. Qua xác minh,

xe do bà Đỗ Thùy Nga (chị ruột của Dũng) đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, bà N cho D mượn xe nhưng không biết D dùng vào việc phạm tội nên bà Nga không có lỗi, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục giao trao trả xe trên cho bà N, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH, biển số: 63AE-059.28, số khung: RLHKF4255RY165015, số máy: KF57E0318007 mà bị cáo D chở bị cáo K đi ném chất bẩn vào nhà bà T ngày 08/10/2024 và 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số: 63B5-098.83, số khung: RLHJF2705BY548682, số máy: JF27E1519584. Qua xác minh, 02 xe mô tô này do bà Nguyễn Thị Phương T (vợ của bị cáo D) đứng tên chủ sở hữu, bà T khai cho bị cáo D mượn xe nhưng không biết D sử dụng vào việc phạm tội nên bà Trúc không có lỗi, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục giao trao trả 02 xe trên cho bà Trúc, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 bì sơ mi tài liệu màu trắng có chứa: 01 Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số: 41W8044741 tên hộ kinh doanh Lư Văn N, 01 Giấy chứng nhận đăng ký thuế tên Lư Văn N và 01 giấy mua bán xe giữa Lâm Phước D và Lư Văn N thu giữ của Nguyễn Thanh H. Ông N khai phù hợp với lời khai của D về việc N để quên 01 bì sơ mi bên trong có các tài liệu trên ở nhà Dũng, không liên quan đến hoạt động phạm tội. Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Lư Văn N, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 bì sơ mi màu xanh bên trong có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 tên vợ Nguyễn Bùi Mai A, tên chồng Nguyễn Nhạc P; 01 Giấy khai sinh (bản sao) số 120 tên Nguyễn Đức Minh Q thu giữ của ông Nguyễn Thanh H, các tài liệu này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Nguyễn Bùi Mai A, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 căn cước công dân số 080149003357 mang tên Trần Thị K. Cơ quan điều tra đã trả cho bà K, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, biển số: 69H1-271.41, số khung: RLCUE3240JY208765, số máy: E3X9F561565 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Quốc Trọng đứng tên chủ sở hữu nhưng xác minh ông Trọng không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo nhưng chưa có người liên hệ làm việc. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp đối với chủ sở hữu xe mô tô trên, Hội đồng xét xử tuyên giao xe này cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Lê Thị T, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong là 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đỏ; 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đen; 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thanh H, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong có 02 túi nilon màu đen chứa các visit với nội dung: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, CHO VAY TRẢ GÓP, GIẢI NGÂN TRONG NGÀY, KHÔNG CẦN THẺ CHẤP, ĐT: 0909.238.962; 02 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 800 mililit (trong đó 01 hộp đã qua sử dụng); 01 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 70 mililit đã qua sử dụng; 01 thau nhựa đường kính 20 centimet; 01 ly nhựa đường kính 06 centimet; 01 đĩa gỗ dài 24 centimet; 25 túi nilon kích thước 23x13 centimet; 01 áo khoác màu đen dài tay có

dòng chữ RICCO; 01 quần dài jean màu đen có dòng chữ BALENCIAGA; 01 đôi dép màu đen có dòng chữ LEONARDO; 01 nón bảo hiểm màu đen có dòng chữ NON SƠN; 01 áo khoác dài tay màu đen không nhãn hiệu; 01 áo phông ngắn tay màu đen có dòng chữ CREATIVE; 01 quần jean dài màu xanh có dòng chữ DSQUARED; 01 đôi dép màu nâu nhạt. Xét các đồ vật trên không có giá trị sẽ tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, số máy: MQ9X3VNIA và 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, số máy: MWH22LL/A thu giữ của bị cáo Dũng; 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, số IMEI: 356985722457464 và 01 điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của bị cáo K. Đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo nhưng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử không xét trả lại cho các bị cáo mà tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 40.700.000 đồng do bị cáo D giao nộp và số tiền 22.600.000 đồng do bị cáo K giao nộp cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo trong vụ án này.

Đối với 01 USB nhãn hiệu Toshiba, dung lượng 04GB chứa 01 video ghi nhận nội dung sự việc ném sơn tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[13] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, cùng các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa thì xác định: Bị cáo Đỗ Trung D khai nhận tổng số tiền vốn vay và tiền lãi người vay là bà Lê Thị T, bà Vương Thị L, bà Trà Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị T, Vi Thanh N, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Bùi Mai A đã trả đủ cho bị cáo, trong đó:

Tổng số tiền mà bị cáo D bỏ ra cho những người trên vay là: 425.000.000 đồng; tổng số tiền lãi theo quy định (tương ứng 20%/năm) là 13.402.740 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền 425.000.000 đồng mà bị cáo D cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay được xác định là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nhận đủ số tiền này (người vay tiền) nên buộc bị cáo giao nộp lại số tiền này.

Đối với tổng số tiền lãi bị cáo D đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định (tương ứng 20%/năm) là 13.402.740 đồng, tuy không tính để xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo nhưng đây là khoản thu lợi phát sinh từ tội phạm mà có nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo D thu được từ việc cho vay lãi nặng (số tiền lãi trên 20%/năm) là 219.730.594 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Bà Lê Thị T, bà Vương Thị L, bà Trà Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị T, Vi Thanh N, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Bùi Mai A khai nhận sử dụng vốn vay nhằm mục đích kinh doanh, chỉ tiêu sinh hoạt cá nhân nên buộc bị cáo trả lại cho những người này số tiền thu lợi bất chính, cụ thể từng người như sau:

Buộc bị cáo trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 135.000.000 đồng; trả lại cho bà Vương Thị L số tiền 46.000.000 đồng; trả lại cho bà Trà Thị Tuyết H số tiền 13.000.000 đồng; trả lại cho bà Vi Thanh N số tiền 10.000.000 đồng; trả lại cho bà

Nguyễn Thị T số tiền 9.500.000 đồng; trả lại cho bà Phạm Thị C số tiền 467.123 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Bùi Mai A số tiền 1.868.493 đồng.

Đối với thiệt hại 1.800.000 đồng do các bị cáo ném chất bẩn vào nhà bà T vào ngày 08/10/2024, các bị cáo đã bồi thường cho bà T số tiền 2.500.000 đồng, bà T có đơn xin bãi nại và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo D còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bị cáo D một khoản tiền nhất định để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Đối với bị cáo K chỉ giúp sức cho bị cáo D không hưởng lợi gì về tiền bạc nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K là phù hợp.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 170; Khoản 2, Khoản 3 Điều 201; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đỗ Trung D.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 170; Khoản 2, Khoản 3 Điều 201; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 15/10/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Trung D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 03 (ba) năm về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính ngày 15/10/2024.

Miễn hình phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn K .

Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, số máy: MQ9X3VNIA và 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, số máy: MWH22LL/A thu giữ của bị cáo Dũng; 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, số IMEI: 356985722457464 và 01 điện thoại di động Nokia 105.

Giao Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, biển số: 69H1-271.41, số khung: RLCUE3240JY208765, số máy: E3X9F561565 để làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Lê Thị T, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong là 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đỏ; 03 túi nilon chứa chất lỏng đã khô màu đen; 01 gói niêm phong, trên giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thanh H, chữ ký của điều tra viên Cao Đăng Hạnh và hình dấu Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, bên trong có 02 túi nilon màu đen chứa các visit với nội dung: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, CHO VAY TRẢ GÓP, GIẢI NGÂN TRONG NGÀY, KHÔNG CẦN THẺ CHẤP, ĐT: 0909.238.962; 02 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 800 mililit (trong đó 01 hộp đã qua sử dụng); 01 hộp sơn dầu nhãn hiệu GALANT thể tích 70 mililit đã qua sử dụng; 01 thau nhựa đường kính 20 centimet; 01 ly nhựa đường kính 06 centimet; 01 đĩa gỗ dài 24 centimet; 25 túi nilon kích thước 23x13 centimet; 01 áo khoác màu đen dài tay có dòng chữ RICCO; 01 quần dài jean màu đen có dòng chữ BALENCIAGA; 01 đôi dép màu đen có dòng chữ LEONARDO; 01 nón bảo hiểm màu đen có dòng chữ NON SÓN; 01 áo khoác dài tay màu đen không nhãn hiệu; 01 áo phông ngắn tay màu đen có dòng chữ CREATIVE; 01 quần jean dài màu xanh có dòng chữ DSQUARED; 01 đôi dép màu nâu nhạt.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận tang tài vật lập vào ngày 09/4/2025 giữa Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh).

Tạm giữ của bị cáo Đỗ Trung D số tiền tiền 40.700.000 đồng; tạm giữ của bị cáo K số tiền 22.600.000 đồng để bảo thi hành án đối với các bị cáo Dũng, K trong vụ án này (số tiền này đang tạm giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi Nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền đề ngày 03/4/2025).

Tiếp lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB (đang lưu hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Trung D giao nộp lại số tiền 438.402.740 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả cho Lê Thị T số tiền 135.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại cho bà Vương Thị L số tiền 46.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại cho bà Trà Thị Tuyết H số tiền 13.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại bà Vi Thanh N số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 9.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị C số tiền 467.123 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Trung D có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Bùi Mai A số tiền 1.868.493 đồng.

Kể từ ngày bà T, bà L, bà H, bà N, bà T, bà C và bà Mai A có Đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong bị cáo D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.BC;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn

